

BÁO CÁO

Sơ kết thực hiện kế hoạch 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ kế hoạch 6 tháng cuối năm 2016

Phần 1

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ 6 THÁNG ĐẦU NĂM

Sản xuất nông nghiệp 6 tháng đầu năm tiếp tục gặp nhiều khó khăn, bất lợi, ngoài những ảnh hưởng về thị trường (chi phí đầu ở mức cao, sản phẩm đầu ra thấp, bấp bênh), dịch bệnh tiềm ẩn và diễn biến phức tạp, thiếu vốn sản xuất... như cuối năm 2015, đầu năm 2016 tình trạng nắng nóng, xâm nhập mặn diễn ra gay gắt đến cấp độ xếp loại thiên tai và đã gây thiệt hại đáng kể đến sản xuất nông nghiệp của tỉnh. Về tình hình xây dựng nông thôn mới và các công tác chuyên ngành tiếp tục được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo, hỗ trợ của Trung ương các ngành, các cấp nên đạt được những kết quả khả quan. Tình hình cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Về giá trị sản xuất:

Ước tổng giá trị sản xuất toàn ngành (giá năm 2010) 11.542 tỷ đồng, đạt 44,18% kế hoạch, giảm 12,16% so cùng kỳ. Trong đó:

- Nông nghiệp: 9.086,34 tỷ đồng, đạt 49,39%, giảm 12,8%
- + Trồng trọt: 6.687 tỷ đồng, đạt 49,39%, giảm 16%
- + Chăn nuôi: 1.413,7 tỷ đồng, đạt 46,55%, giảm 2,1%.
- + Dịch vụ nông nghiệp: 967,58 tỷ đồng, đạt 57,93%, giảm 2,22%.
- Lâm nghiệp: 142,25 tỷ đồng, đạt 54,71% giảm 3,13%
- Thủy, hải sản: 2.313,35 tỷ đồng, đạt 30,52%, giảm 10%
- + Khai thác hải sản: 495 tỷ đồng, đạt 43,73%, giảm 9,1%
- + Khai thác nội đồng: 164,99 tỷ đồng, đạt 31,88%, giảm 32,26%.
- + Nuôi trồng thủy sản: 1.637,92 tỷ đồng, đạt 27,78%, giảm 7,3%.
- + Dịch vụ thủy sản: 15,39 tỷ đồng, đạt 43,97%, giảm 14%.

2. Kết quả thực hiện kế hoạch phát triển ngành trồng trọt, BVTV:

Ước tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm 268.293 ha, đạt 92,73% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 6.618 ha, cụ thể:

- Cây lúa: Gieo trồng 234.528 ha, vượt 1,1% kế hoạch, giảm 569 ha; thu hoạch dứt điểm 02 vụ Thu Đông – mùa và Đông Xuân (137.349 ha), năng suất trung bình 5,39 tấn/ha, thấp hơn cùng kỳ 0,6 tấn/ha; sản lượng 739.762 tấn, giảm 206.074 tấn so cùng kỳ. Nguyên nhân, do xâm nhập mặn làm mất trắng 18.749

ha, giảm năng suất 9.200 ha. Tiếp tục duy trì 16 mô hình cánh đồng lớn, diện tích 3.308 ha, năng suất trung bình 5,98 tấn/ha, cao hơn ngoài mô hình 0,6 tấn/ha. Công ty Lương thực Trà Vinh liên kết tiêu thụ sản phẩm trong các mô hình, sản lượng 1.433 tấn lúa hàng hóa. Vụ Hè Thu xuống giống đạt 100% kế hoạch (78.000 ha), thu hoạch trà lúa sớm 700 ha, năng suất trung bình 5,5 tấn/ha.

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Gieo trồng 33.765 ha, đạt 58,9% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 6.528 ha, cụ thể: Màu lương thực 4.201 ha, màu thực phẩm 17.564 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 12.000 ha. Triển khai xây dựng 03 mô hình cánh đồng lớn trên cây mía, diện tích 120 ha; 01 mô hình cánh đồng lớn trên cây ớt, diện tích 10 ha; 01 mô hình cánh đồng lớn trên cây bắp 20 ha; 01 mô hình cánh đồng lớn trên cây dưa hấu, diện tích 20 ha.

- Cây lâu năm:

+ Ước diện tích trồng mới trong 6 tháng là 260 ha, nâng tổng diện tích vườn cây ăn trái 17.659 ha, sản lượng thu hoạch 130.853 tấn, đạt 52,98% kế hoạch. Cây dưa diện tích 19.950 ha, sản lượng 116.310 tấn, đạt 48,87% kế hoạch. Triển khai xây dựng 01 mô hình cánh đồng lớn trên cây dưa, diện tích 50 ha tại xã Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành.

+ Theo dõi 03 mô hình phòng trừ chổi rồng hại nhãn tại huyện Tiểu Cần và Cầu Kè, diện tích 07 ha. Thực hiện mô hình quản lý sâu, bệnh tổng hợp trên cây dưa, diện tích 0,4 ha, sử dụng nấm xanh để phòng trừ bọ cánh cứng, bọ vòi voi. Kết quả bước đầu đã khắc phục được khoảng 15% bệnh rụng trái non và bọ vòi voi. Tổ chức thực hiện 02 điểm thử nghiệm khắc phục ảnh hưởng phèn mặn trên cây chôm chôm tại xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, diện tích 500 m².

- Chính sách hỗ trợ thiệt hại theo Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg và Quyết định số 49/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phối hợp tham mưu tạm ứng 50,6 tỷ đồng hỗ trợ cho nông dân có diện tích lúa, hoa màu, cây ăn trái và thủy sản bị thiệt hại do hạn hán, xâm nhập mặn, gồm Cầu Kè 2,49 tỷ đồng, Tiểu Cần 3,50 tỷ đồng, Châu Thành 10,766 tỷ đồng, Trà Cú 19,29 tỷ đồng, Cầu Ngang 9,89 tỷ đồng, Duyên Hải 4,13 tỷ đồng, thành phố Trà Vinh 0,51 tỷ đồng. Đến nay, các địa phương cơ bản cấp phát xong. Riêng diện tích đề nghị bổ sung đợt II, Sở Nông nghiệp và PTNT đang tham mưu trình UBND tỉnh.

- Chính sách hỗ trợ theo Nghị định 42/2012/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/5/2012 về quản lý, sử dụng đất trồng lúa: Năm 2016 được Trung ương cấp hỗ trợ 74 tỷ đồng đã phân bổ về các huyện, thị xã, thành phố thực hiện đầu tư cho công tác quy hoạch, cải tạo nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa, đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hỗ trợ giống mới, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất lúa, hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm phục vụ sản xuất lúa.

- Chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp theo Quyết định 68/2013/QĐ-TTg: Các tổ chức tín dụng đã cho 121 khách hàng là hộ gia đình vay với tổng dư nợ 40 tỷ đồng. Lũy kế đến nay có 246 khách hàng vay với tổng dư nợ trên 90 tỷ đồng để mua máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, thu hoạch và chế biến nông sản.

- Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn theo Quyết định 62/2013/QĐ-TTg: Đã cho chủ trương xây dựng cánh đồng lớn sản phẩm lúa của Công ty lương thực Trà Vinh. Đồng thời, hướng dẫn Công ty mía đường Trà Vinh xin chủ trương xây dựng cánh đồng lớn sản phẩm mía đường. Vốn phân bổ là 8,755 tỷ đồng.

- Kế hoạch phòng chống và kiểm soát dịch bệnh trên cây trồng: Thực hiện theo dõi 12 bẫy đèn, 600 điểm điều tra dự báo làm cơ sở dự tính, dự báo sâu bệnh; xây dựng khung lịch thời vụ xuống giống “né rầy” phù hợp cho từng vùng, từng địa phương. Tổ chức 38 lớp tập huấn hướng dẫn phòng, trừ sâu bệnh hại lúa, hoa màu, cây ăn trái; hướng dẫn biện pháp khắc phục tình trạng lúa bị ảnh hưởng khô hạn, phèn, mặn cho 1.560 lượt nông dân; phóng thích 800 mummy ra môi trường tự nhiên tại 40 điểm để khống chế bọ cánh cứng hại dứa; tổ chức, vận động nông dân và đoàn thể thu gom 453 kg bao bì, vỏ chai thuốc BVTV tại các mô hình cánh đồng mẫu của huyện Tiểu Cần, Châu Thành và Trà Cú đem tiêu hủy.

3. Kết quả thực hiện kế hoạch phát triển ngành chăn nuôi:

- Theo số liệu điều tra ngày 01/4/2016, số lượng đàn vật nuôi trên địa bàn tỉnh như sau:

- + Đàn heo: 351.883 con, vượt 6,6% KH, tăng 38.127 con so cùng kỳ.
- + Đàn bò: 176.344 con, vượt 5,6%, tăng 20.668 con.
- + Đàn trâu 954 con, đạt 95,4%, giảm 156 con.
- + Đàn gia cầm: 4,33 triệu con, đạt 75,36%, giảm 536 ngàn con.

Tình hình chăn nuôi 6 tháng đầu năm có bước phát triển và tăng so cùng kỳ, nhất là đàn bò và đàn heo, tuy nhiên, đàn gia cầm giảm mạnh do ảnh hưởng của dịch cúm gia cầm, điều kiện chăn thả bị thu hẹp, thức ăn tự nhiên ngày càng giảm; hộ chăn nuôi phải đầu tư thức ăn công nghiệp, chi phí cao nên không mạnh dạn tái đàn trở lại.

- Thực hiện tiêm vaccine phòng cúm 1,3 triệu con gia cầm (đạt 31% so tổng đàn); tiêm phòng LMLM 25 ngàn con gia súc (đạt 13% so tổng đàn); phòng bệnh thường xuyên cho 585 ngàn con gia súc (Dịch tả 207 ngàn con, đạt 59% so tổng đàn; Tụ huyết trùng 187 ngàn con, đạt 53% so tổng đàn; Phó thương hàn 189 ngàn con, đạt 53% so tổng đàn; dại chó, mèo 854 con); cấp 8.100 lít hóa chất cho các huyện, thị, thành phố thực hiện tháng vệ sinh tiêu độc khử trùng môi trường chăn nuôi, kết quả phun xịt đến nay được 6,52 triệu m² của 122.508 lượt hộ chăn nuôi; kiểm dịch gần 100 ngàn con gia súc, trên 1,2 triệu con gia cầm các loại, 491 tấn thịt gia súc, gia cầm và 15 triệu quả trứng.

- Trong 6 tháng đầu năm xây dựng thêm 2 cơ sở giết mổ tập trung tại huyện Châu Thành và thị xã Duyên Hải (Châu Thành hoạt động trong tháng 6, thị xã Duyên Hải dự kiến hoạt động vào đầu tháng 8/2016). Nâng tổng số đến nay trên địa bàn tỉnh có 12 cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm đang hoạt động (09 cơ sở giết mổ gia súc và 03 cơ sở giết mổ gia cầm (giảm 01 cơ sở, do ngưng hoạt động), tổng công suất thiết kế 2.800 con gia súc/ngày đêm và 4.650 con gia cầm/ngày đêm. Công suất thực tế giết mổ 1.250 con gia súc/ngày đêm và 3.110 con gia cầm/ngày đêm. Ngành nông nghiệp tiếp tục hỗ trợ xây dựng thêm cơ sở giết mổ tập trung tại huyện Cầu Ngang.

- Duy trì 08 mô hình liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm với Công ty Cổ phần chăn nuôi CP-Việt Nam (05 mô hình nuôi gà, 03 mô hình nuôi heo), quy mô 36.000 con gà và 2.000 con heo thịt.

- Phát triển thêm 15 trang trại chăn nuôi, nâng tổng số trang trại chăn nuôi trên địa bàn tỉnh lên 40 trang trại, chủ yếu là trang trại chăn nuôi heo.

- Kết hợp địa phương triển khai bình tuyển, phân loại, đánh giá và bấm tai theo dõi đàn heo đực giống 21 cơ sở với 157 con tại các huyện, thành phố.

- Triển khai thực hiện phong trào cam kết chăn nuôi an toàn, không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi có 2.002 cơ sở, hộ chăn nuôi ký cam kết.

- Chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg: Đã tạm ứng 25,2 tỷ đồng do Trung ương hỗ trợ để các huyện triển khai thực hiện, đồng thời đang triển khai, lập kế hoạch tiếp tục hỗ trợ năm 2017.

4. Kết quả thực hiện kế hoạch phát triển ngành thủy sản:

- Nuôi trồng thủy sản: Diện tích thả nuôi 35.334 ha, đạt 82,75% kế hoạch, nhanh hơn cùng kỳ 3.791 ha; thu hoạch 32.392 tấn, đạt 32% kế hoạch cả năm, cao hơn cùng kỳ 647 tấn, cụ thể:

+ Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 1,32 tỷ con tôm sú giống, trên diện tích 16.128 ha, 1,29 tỷ con tôm chân trắng, diện tích 2.282 ha, 97 triệu con cua biển, diện tích 14.238 ha, 89 tấn nghêu giống, diện tích 295 ha. Thu hoạch 9.866 tấn (thấp hơn cùng kỳ 1.493 tấn), trong đó tôm sú 2.311 tấn, tôm chân trắng 5.638 tấn, cua biển 1.559 tấn, còn lại là các loại thủy sản khác. Do thời tiết diễn biến khá phức tạp, nắng nóng kéo dài, nhiệt độ tăng cao, môi trường ao nuôi biến động làm ảnh hưởng đến sức khỏe tôm nuôi và gây bệnh hoại tử gan tụy và một số bệnh như phân trắng, đường ruột làm thiệt hại 298 triệu con tôm sú giống (chiếm 22,5% lượng con giống thả nuôi), diện tích 4.625 ha (chiếm 28,6%); 289 triệu con tôm thẻ chân trắng (chiếm 22,4% lượng con giống thả nuôi), diện tích 530 ha (chiếm 23,2%).

+ Vùng nước ngọt: Thả nuôi 110 triệu con giống các loại, diện tích 1.234 ha (71 triệu con cá lóc, diện tích 164 ha); thu hoạch 22.526 tấn (cao hơn cùng kỳ 600 tấn), gồm cá lóc 14.190 tấn, cá tra 2.040 tấn, tôm càng xanh 300 tấn, còn lại là các loại khác, đạt 41% kế hoạch cả năm.

- Khai thác: Toàn tỉnh có 1.203 tàu khai thác hải sản được đăng ký, tổng công suất 92.784 CV (1.036 tàu đang hoạt động, công suất 79.517 CV). Sản lượng khai thác 33.703 tấn (5.200 tấn tôm), đạt 42% kế hoạch cả năm, giảm 11% so cùng kỳ, gồm:

+ Khai thác nội đồng: 4.203 tấn (1.442 tấn tôm), đạt 30% kế hoạch, giảm 30% so cùng kỳ.

+ Khai thác hải sản: 29.500 tấn (3.758 tấn tôm), đạt 45% kế hoạch, giảm 8% so cùng kỳ.

- Tình hình thu mua, chế biến: Các doanh nghiệp thu mua 3.990 tấn (tôm sú 354 tấn, tôm thẻ 1.614 tấn), chế biến 2.283 tấn, tiêu thụ 1.670 tấn, kim ngạch xuất khẩu gần 10,49 triệu USD.

- Tổ chức 100 lớp tập huấn, hướng dẫn quy trình nuôi thủy sản tốt Việt Nam (VietGAP) và tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong lĩnh vực thủy sản cho 3.000 lượt người dự. Theo thống kê của địa phương, đến nay có 5.751 ha nuôi tôm - rùng, hạn chế được dịch bệnh tăng thu nhập cho người dân.

- Thành lập tổ tư vấn hỗ trợ kỹ thuật nuôi tôm và giám sát tình hình bệnh để chủ động trong công tác phòng chống. Kiểm dịch 345 triệu con tôm sú giống, 734 triệu con tôm thẻ chân trắng, cấp 377 giấy chứng nhận kiểm dịch động vật thủy sản; kiểm tra vệ sinh thú y 94 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống, cấp 20 giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y thủy sản, 58 chứng chỉ hành nghề thú y thủy sản, 31 giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc thú y thủy sản; thực hiện 55 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước; thu 22 mẫu bệnh phẩm, 64 mẫu giáp xác phân tích phục vụ nuôi thủy sản trên địa bàn tỉnh.

- Chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản theo Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg: Kết hợp tổ chức hội nghị triển khai đến các Sở, ngành tỉnh, địa phương, nông dân trên địa bàn tỉnh. Hiện đang phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang chuẩn bị thẩm định 01 hồ sơ đăng ký áp dụng VietGAP (nuôi tôm sú và thẻ chân trắng).

- Chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP: Công bố 01 cơ sở đóng mới, nâng cấp sửa chữa tàu cá vỏ gỗ trên địa bàn tỉnh. Triển khai thực hiện 08 dự án đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ nuôi trồng thủy sản và hậu cần nghề cá; hỗ trợ đầu tư 02 chủ tàu cá vay vốn đóng mới và đã đi vào hoạt động; hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm 06 đợt, 256 chủ tàu cá; tinh chi trả phí bảo hiểm 08 đợt, với tổng số tiền 919 triệu đồng.

- Chính sách hỗ trợ đóng mới, cải hoán tàu cá khai thác hải sản xa bờ theo Nghị quyết số 19/2013/NQ-HĐND: Thành lập Hội đồng thẩm định máy thủy và tổ chức tập huấn phổ biến rộng rãi cho ngư dân trong tỉnh. Đến nay, vẫn chưa có tàu cá nào được hưởng chính sách do hầu hết ngư dân sử dụng máy trên bộ được thủy hóa (không phải máy thủy chuyên dùng) nên không đủ điều kiện hỗ trợ. Để ngư dân trong tỉnh thụ hưởng các chính sách theo Quyết định số 28/2014/QĐ-UBND, kiến nghị sửa đổi Quyết định số 28/2014/QĐ-UBND theo hướng tăng mức hỗ trợ và xây dựng điều kiện hỗ trợ phù hợp với quy định hiện hành theo Thông tư số 51/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

5. Kết quả thực hiện kế hoạch phát triển ngành lâm nghiệp:

- Triển khai công tác thiết kế trồng rừng với diện tích 68 ha, chăm sóc 338,5 ha rừng thuộc Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển bền vững rừng phòng hộ; hoàn thành kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2016-2020; chăm sóc cây giống chuẩn bị thực hiện kế hoạch trồng 130 ha rừng phòng hộ và trồng cây lâm nghiệp phân tán trên địa bàn các huyện, thị xã và thành phố năm 2016; tía thưa điều chỉnh mật độ khu rừng đước giống tại ấp Phước Thiện, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải 51 ha.

- Tổ chức 482 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện 10 trường hợp vi phạm làm thiệt hại 1.913 m² rừng, đã tiến hành xử lý theo quy định. Ngoài ra, còn có

2.798 ha rừng phi lao bị thiệt hại do triều cường, đã xây dựng phương án khắc phục. Nghiệm thu phức tra vệ sinh phòng cháy rừng năm 2016 với tổng diện tích 247,6 ha, đạt 100% kế hoạch.

- Tổ chức 11 lớp tuyên truyền phổ biến pháp luật trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy rừng và quản lý bảo vệ rừng cho 365 hộ dân sống tiếp giáp với rừng trên địa bàn xã Long Vĩnh, Trường Long Hòa và Đông Hải.

- Thực hiện Nghị định 99/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 24/9/2010 về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng: Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 01 tổ chức kinh doanh du lịch dưới tán rừng nhưng quy mô rất nhỏ, hoạt động không hiệu quả; Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải hoàn thành tổ máy số 01 và chạy thử nghiệm vào những tháng cuối năm 2015 nên chưa triển khai chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng. Hiện nay, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tham mưu thành lập xong Quỹ bảo vệ và phát triển rừng, kế hoạch đến năm 2017 tiến hành thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường trên địa bàn tỉnh.

6. Kết quả của thực hiện kế hoạch phát triển ngành diêm nghiệp:

- Có 163 hộ sản xuất, diện tích 134,6 ha (giảm 52 hộ và 28,6 ha so cùng kỳ). Sản lượng thu hoạch 6.885 tấn (giảm 5.750 tấn so với cùng kỳ), tiêu thụ 1.695 tấn. Do vào vụ thu hoạch rộ và chủ yếu tiêu thụ tại địa phương, giá thấp nên lượng muối tồn đọng trong dân còn cao.

- Chủ trì khảo sát làng nghề muối xã Dân Thành: Kết quả đủ tiêu chí để công nhận làng nghề, địa phương cũng hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị công nhận theo quy định. Tuy nhiên, do điều chỉnh địa giới hành chính ấp Cồn Cù, xã Dân Thành chuyển sang ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, khi đó nghề muối ấp Cồn Cù, xã Đông Hải không có trong quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn. Đến nay, tạm ngưng chờ điều chỉnh quy hoạch.

- Tổng hợp báo cáo tình hình sản xuất muối giai đoạn 2011 – 2015 và định hướng phát triển giai đoạn 2016 – 2020 gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp; dự thảo kế hoạch tái cơ cấu ngành muối của tỉnh.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

1. Công tác quy hoạch:

- Đã hoàn thành và tổ chức công bố quy hoạch hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thông qua Hội đồng thẩm định 03 dự án quy hoạch: Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chuyên đổi cơ cấu sản xuất nông, lâm, diêm nghiệp và nuôi trồng thủy sản đến năm 2020 của tỉnh; quy hoạch vùng cây ăn quả chủ lực trồng tập trung trên địa bàn tỉnh đến năm 2020; quy hoạch chi tiết nuôi, chế biến cá tra đến năm 2020, định hướng đến năm 2025. Đồng thời trình phê duyệt Đề cương, nhiệm vụ và dự toán kinh phí 02 dự án quy hoạch (lập Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh và Quy hoạch chi tiết nuôi tôm nước lợ tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030).

2. Tham mưu xử lý, ban hành văn bản:

- Nghiên cứu tham mưu xây dựng Nghị quyết lãnh đạo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp; dự thảo Nghị quyết về lãnh đạo phát triển nông nghiệp ứng

dụng công nghệ cao đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025; hoàn chỉnh lại theo ý kiến đóng góp của Sở Tư pháp dự thảo Quyết định ban hành quy định phân cấp quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh và dự thảo Quyết định Quy định về quản lý và bảo vệ đê điều trên địa bàn tỉnh; trình UBND tỉnh ban hành Chỉ thị về việc tăng cường công tác quản lý giống, thức ăn, thuốc thú y, hóa chất, chế phẩm sinh học dùng trong nuôi trồng thủy sản.

- Đề xuất nội dung xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng; báo cáo kết quả thực hiện phong trào thi đua đặc biệt chào mừng Đại hội Đảng các cấp.

- Tham mưu xây dựng và phân công nhiệm vụ cho các phòng, đơn vị trực thuộc xây dựng các quy hoạch, nghị quyết, chương trình, đề án, dự án năm 2016 và các nhiệm vụ được phân công tại Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 03/02/2016 của UBND tỉnh; ban hành Quyết định thành lập tổ tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật nuôi tôm nước lợ tại các huyện ven biển.

- Thành lập tổ công tác thống kê, đánh giá thiệt hại, ảnh hưởng do thiên tai xâm nhập mặn và rà soát điều chỉnh cơ cấu sản xuất, cơ cấu mùa vụ cây trồng, thủy sản tại các huyện, thị xã, thành phố; xác định các công trình thủy lợi, nước sinh hoạt bức xúc cần đầu tư để chủ động ứng phó với tình hình hạn hán, xâm nhập mặn năm 2016 và những năm tiếp theo. Kết hợp tổ chức Oxfam khảo sát tình hình thiệt hại do thiên tai tại các xã Hàm Giang, Hàm Tân huyện Trà Cú; xã Đức Mỹ huyện Càng Long; xã Đa Lộc huyện Châu Thành.

- Chỉ đạo thực hiện các giải pháp tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh trên đàn vật nuôi; triển khai thực hiện Công văn số 391/CN-GSN của Cục Chăn nuôi về việc thực hiện phong trào cam kết chăn nuôi an toàn, không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi.

- Thông báo trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh.

- Quyết toán nguồn vốn sự nghiệp năm 2015, phân bổ, giao vốn sự nghiệp cho các đơn vị thuộc Sở năm 2016 để triển khai thực hiện nhiệm vụ, đồng thời cung cấp số liệu phục vụ kiểm toán Nhà nước.

- Hoàn thành công tác thẩm định hồ sơ thiệt hại do thực hiện công trình luồng cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu; lấy ý kiến đóng góp dự thảo đề án xây dựng xã, phường, thị trấn một sản phẩm chủ lực trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; đề xuất danh mục dự án kêu gọi đầu tư vào nông nghiệp nông thôn giai đoạn 2016-2020; giao nhiệm vụ thực hiện đỡ đầu xã Tập Ngãi năm 2016 theo phân công của Tỉnh ủy, ...

3. Công tác phát triển khoa học công nghệ, khuyến nông và công tác giống:

- Tổ chức triển khai thực hiện đề tài “Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sản xuất và ương nghêu giống trên ao đất lót bạt tại tỉnh Trà Vinh” giai đoạn 2, hiện đang cho nghêu sinh sản.

- Thực hiện khảo nghiệm và chọn dòng phân ly 04 bộ giống lúa (bộ phẩm chất, bộ triển vọng, bộ chủ lực và bộ Trà Vinh), diện tích 01 ha, kết quả chọn

được 11 giống có năng suất cao, chống chịu sâu bệnh để khuyến cáo nhân rộng. Khảo nghiệm 0,7 ha bưởi da xanh xen dứa, hiện đang phát triển tốt.

- Triển khai thực hiện 04 lớp tập huấn biện pháp kỹ thuật chọn và thuần dưỡng giống các đối tượng tôm sú, cua biển, tôm thẻ chân trắng, tôm càng xanh cho 126 người tham dự.

- Tổ chức 203 lớp tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, nuôi thủy sản cho 5.857 lượt người (24 lớp trồng trọt 763 lượt người; 52 lớp chăn nuôi 1.542 lượt người; 127 lớp thủy sản 3.552 lượt người), phân công cán bộ kỹ thuật trực tiếp tư vấn cho 3.215 lượt hộ, gồm các nội dung như kỹ thuật canh tác lúa 3 giảm 3 tăng, kỹ thuật trồng lúa SRI, trồng các loại rau, màu theo hướng an toàn, kỹ thuật chăn nuôi sử dụng đệm lót sinh học, kỹ thuật nuôi tôm nước lợ, nuôi tôm càng xanh, nuôi cua biển, nuôi cá lóc...; 150 sổ tay khuyến nông khuyến ngư, 100 quyển tài liệu kỹ thuật, cấp phát 01 ngàn tờ tin khuyến nông, 37 ngàn tờ tài liệu bướm các loại. Thực hiện chương trình khuyến nông doanh nghiệp bước đầu mang lại hiệu quả.

- Kết hợp Đài Phát thanh Truyền hình Trà Vinh, VTV Cần Thơ thực hiện 03 bản tin thời sự, 03 phóng sự về tổng kết công tác khuyến nông khuyến ngư năm 2015, hội thảo giới thiệu các dòng sản phẩm máy nông nghiệp và hướng dẫn thực hiện quyết định 68/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ, diễn đàn liên kết 4 nhà, các kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt, phòng trị bệnh trên cây trồng, vật nuôi và các chuyên đề khuyến nông, khuyến ngư.

- Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện 06 mô hình trình diễn về trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản: Cải tạo đàn dê bằng phương pháp gieo tinh nhân tạo, chăn nuôi gà sinh sản theo hướng an toàn sinh học, nuôi cá kèo luân canh trong ao nuôi tôm, nuôi tôm càng xanh toàn đực trong ao, trồng bắp chuyển đổi gen, trình diễn sản xuất lúa lai thương phẩm.

- Công tác giống:

+ Giống cây trồng: Kết hợp tổ chức sản xuất 92,9 ha lúa giống (18,3 ha giống cấp nguyên chủng), đã thu hoạch 36,6 ha, sản lượng đạt trên 197 tấn giống (100 tấn giống cấp nguyên chủng). Chăm sóc vườn cây giống đầu dòng, ươm cây giống phục vụ nông dân có nhu cầu. Thực hiện 02 mô hình nhân giống gà Tàu vàng sinh sản tại huyện Càng Long, gà được 2,5 tháng tuổi, phát triển bình thường. Thu mua 160 tấn lúa giống (34 tấn giống cấp nguyên chủng); cung ứng 98 tấn lúa giống (8 tấn nguyên chủng) và 1.560 cây giống ăn trái các loại.

- Công tác giống: Triển khai thực hiện 03 mô hình gồm: Sử dụng thức ăn công nghiệp thay thế thức ăn chế biến trong sản xuất giống tôm càng xanh toàn đực, nuôi vỗ và lưu giữ đàn cá tra bố mẹ đã qua chọn lọc từ Viện nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản II, sử dụng thức ăn công nghiệp thay thế thức ăn cá biển trong ương cá lóc từ bột lên giống. Đã nghiệm thu kết thúc 01 mô hình. Sản xuất, cung ứng, giới thiệu địa chỉ uy tín cho người nuôi được 9,23 triệu con post tôm sú, 8,55 triệu con tôm thẻ chân trắng, 1,14 triệu con tôm càng xanh.

4. Công tác thủy lợi và phòng chống lụt bão:

- Thực hiện 809 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 631.293 m, khối lượng 1,78 triệu m³, vượt 17% kế hoạch cả năm.

- Theo dõi chặt chẽ tình hình các tuyến đê biển trong các đợt triều cường dâng cao để tham mưu, đề xuất xử lý kịp thời; nghiệm thu đưa vào sử dụng đoạn đê Chà Và dài 3.630 m tại huyện Cầu Ngang; duy tu, bảo dưỡng các đoạn đê thuộc đê Tổng Long – Bắc Trang, Tổng Long – Nguyễn Văn Phò tổng chiều dài 2.770 m; đưa vào sử dụng 03 cây cầu giao thông thôn thôn, gắn 12 biển báo tải trọng trên các tuyến đê.

- Tổ chức 84 đợt khảo sát, kiểm tra tình hình an toàn các tuyến đê, phát hiện 20 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê, đã tiến hành xử lý theo quy định và buộc khôi phục lại hiện trạng.

5. Công tác xây dựng cơ bản: Triển khai thực hiện 22 dự án (01 dự án khởi công mới, 21 dự án chuyên tiếp), gồm: 09 công trình phục vụ nuôi thủy sản; 11 công trình đê, kè; 02 công trình dân dụng, đã giải ngân 36,6 tỷ đồng đạt 18% kế hoạch (bổ sung vốn). Đồng thời, đang triển khai thi công các công trình thủy lợi thuộc nguồn vốn cấp bù thủy lợi phí năm 2016; đang đấu thầu công trình khắc phục hậu quả hạn hán và xâm nhập mặn vụ Đông xuân năm 2015-2016.

6. Công tác phát triển nông thôn:

a) Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

+ Công tác tuyên truyền: Tổ chức 2.377 cuộc lồng ghép tuyên truyền với 98.536 lượt người dự, các nội dung tuyên truyền là vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế, xây dựng hồ xí hợp vệ sinh, trồng cây xanh làm hàng rào, cột cờ kết hợp với đèn chiếu sáng. Phối hợp Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh thực hiện 12 phóng sự về tấm gương tiêu biểu, các mô hình hay có hiệu quả và hiệu quả trong phong trào xây dựng nông thôn mới.

+ Kết quả rà soát theo bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn 85 xã: 6 tháng đầu năm có thêm 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới, nâng tổng số đến nay có 23 xã đạt 19 tiêu chí (20 xã đã có quyết định công nhận); 05 xã đạt từ 15 - 18 tiêu chí; 57 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí, bình quân mỗi xã đạt 13,76 tiêu chí.

+ Ban Chỉ đạo nông thôn mới các xã quyết định công nhận 112.960 hộ đạt chuẩn hộ nông thôn mới, chiếm 51,7% tổng số hộ phát động; 155 ấp đạt chuẩn ấp nông thôn mới, chiếm 22,8% trong tổng số ấp.

+ Tham mưu phân bổ 123,6 tỷ đồng (vốn trung ương 33,6 tỷ, vốn trái phiếu chính phủ 60 tỷ, ngân sách tỉnh 30 tỷ) cho các địa phương thực hiện các công trình xây dựng cơ bản, hỗ trợ đầu tư phát triển. Năm 2016, tiến độ phân bổ vốn chậm do trung ương chưa có hướng dẫn cụ thể về phân bổ nguồn vốn trong giai đoạn năm 2016 – 2020.

b) Bố trí dân cư:

- Dự án di dân khẩn cấp vùng ven biển xã Trường Long Hòa: Xin điều chỉnh, bổ sung quy mô dự án hạng mục đường giao thông nội bộ, hệ thống thoát nước khu dân cư; báo cáo UBND tỉnh chủ trương giao mặt bằng cho Công ty TNHH Điện gió Hàn Quốc - Trà Vinh 1; lập hồ sơ quyết toán các hạng mục hoàn thành; báo cáo kết quả thực hiện dự án, cung cấp hồ sơ cho đoàn thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Cần Chông: Thẩm định, phê duyệt thiết kế bổ sung hệ thống chiếu sáng công trình kè; đề nghị xin cấp phép thi công xây dựng trong phạm vi bảo vệ hành lang cầu Tiểu Cần; báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư thẩm định nguồn vốn Trung ương, nguồn vốn tỉnh; kiểm tra tiến độ thi công hạng mục đoạn kè phía bờ bên trái chiều dài 516 m.

- Dự án Di dân sạt lở ấp Cồn Phụng, xã Long Hòa: Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thi công hạng mục đường giao thông liên ấp; kết hợp địa phương cắm mốc mặt bằng hạng mục đường giao thông liên ấp.

c) Phát triển kinh tế hợp tác (THT), hợp tác xã (HTX):

- Hợp tác xã:

+ Trong 06 tháng đầu năm thành lập mới 02 HTX, tuy nhiên, có 03 HTX tự nguyện xin giải thể. Tính đến nay, trên địa bàn tỉnh có 41 HTX nông nghiệp, thủy sản (tăng 03 HTX so cùng kỳ). Tổng diện tích đất tham gia hợp tác sản xuất 1.532 ha với 2.284 thành viên. Tổng vốn điều lệ 30 tỷ đồng. Qua đánh giá sơ bộ có 10 HTX hoạt động khá, chiếm 25,6%; 14 HTX hoạt động trung bình, chiếm 35,8%; còn lại là các HTX hoạt động cầm chừng.

+ Mô hình điểm HTX nông nghiệp kiểu mới (HTX nông nghiệp Thành Công, xã Ngọc Biên): Phối hợp hỗ trợ xây dựng phương án thực hiện cánh đồng lớn về rau màu, hướng dẫn bộ thủ tục xây dựng vùng sản xuất rau màu theo tiêu chuẩn VietGAP.

- Tổ hợp tác: Phối hợp địa phương thành lập mới 04 THT. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 1.963 THT nông nghiệp (trong đó có 34 THT chăn nuôi của dự án Heifer), tăng 118 THT so cùng kỳ, với 33.665 thành viên tham gia. Xây dựng kế hoạch hỗ trợ THT chăn nuôi gà tại ấp Hưng Nhượng A, xã Phương Thạnh, huyện Càng Long trở thành mô hình điểm THT liên kết với doanh nghiệp.

d) Phát triển ngành nghề nông thôn:

- Ngành nghề nông thôn: Toàn tỉnh có 14.045 cơ sở, tăng 3.649 cơ sở so cùng kỳ, với 39.854 lao động tham gia. Tạo ra giá trị khoảng 1.798 tỷ đồng. Nhìn chung, một số nhóm ngành nghề phát triển tương đối ổn định, mang lại hiệu quả thiết thực cho lao động nông thôn, góp phần tạo việc làm cho hơn 1.000 lao động nông nhân, thu nhập bình quân đầu người khoảng 1,8 – 2 triệu đồng/người/tháng.

- Làng nghề: 6 tháng đầu năm không có làng nghề mới được công nhận. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 12 làng nghề được UBND tỉnh công nhận, trong đó có 02 làng nghề thuộc lĩnh vực nông nghiệp và 10 làng nghề tiểu thủ công nghiệp, với 4.319 hộ tham gia sản xuất. Các làng nghề tạo ra khoảng 3,2 triệu sản phẩm các loại, doanh thu đạt 506,43 tỷ đồng.

- Xây dựng hoàn chỉnh dự thảo đề án mỗi xã, phường, thị trấn một sản phẩm chủ lực trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020.

đ) Nước sạch và vệ sinh môi trường: Quyết toán 02 dự án hoàn thành; tiếp tục thực hiện 2 dự án, khối lượng thực hiện đạt 97%. Giải ngân vốn đầu tư phát triển 5,95 tỷ đồng, đạt 99,3% kế hoạch vốn giao đầu năm; duy trì hoạt động 165 trạm cấp nước; tiếp nhận, sửa chữa 41 trạm cấp nước thuộc Chương trình 134 của huyện Trà Cú và Tiểu Cần để phục vụ cho đồng bào dân tộc Khmer. Lắp đặt cho 87.206 hộ sử dụng nước máy (tăng 7.524 hộ so với đầu năm), nâng tỷ lệ dân nông

thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 83% (sử dụng nước sạch theo quy chuẩn 02/2009/BYT đạt 54%), toàn tỉnh có 50% hộ dân nông thôn có nhà tiêu hợp vệ sinh và 46% hộ dân có chuồng trại hợp vệ sinh.

7. Công tác quản lý Nhà nước chuyên ngành:

a) Quản lý chất lượng nông - lâm - thủy sản:

Thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm 63 cơ sở kinh doanh thực phẩm, xay xát lúa gạo, kết quả hầu hết các cơ sở đều có sai phạm do không có giấy xác nhận kiến thức về ATTP, không giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP, chưa có giấy khám sức khỏe, chưa trang bị bảo hộ lao động và thiết bị phòng chống động vật gây hại; kiểm tra, đánh giá 94 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông - lâm - thủy sản, kết quả xếp loại có 64 loại A, 29 loại B, 01 loại C; cấp 49 giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm sản xuất, kinh doanh nông, thủy sản; tổ chức thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 272 mẫu (107 mẫu nông sản, 165 mẫu thủy sản, 05 mẫu nước tiểu heo thịt).

b) Quản lý tàu cá, cảng cá:

- Kiểm tra an toàn kỹ thuật 261 tàu (08 tàu ngoài tỉnh), đăng ký 79 tàu, xóa bộ 08 tàu; cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán tàu cá 69 trường hợp, cấp 88 sổ danh bạ (416 thuyền viên), cấp 201 giấy phép khai thác thủy sản, 751 giấy chứng nhận, xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác xuất khẩu vào EU.

- Tổ chức quản lý cảng cá an toàn, kiểm soát 3.755 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 4.658 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 334 triệu đồng.

c) Thanh tra Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Tuyên truyền pháp luật: Tổ chức 68 lớp tuyên truyền, phổ biến Luật Thủy sản, Nghị định số 67/2014/NĐ-CP về một số chính sách phát triển thủy sản, quy định một số chính sách về xây dựng và phát triển tổ hợp tác sản xuất trên biển, các quy định về an toàn thực phẩm nông, thủy sản, kinh doanh thuốc, thức ăn thủy sản, giống thủy sản, phòng cháy chữa cháy rừng và quản lý bảo vệ rừng cho 1.902 lượt người.

- Kiểm tra xử lý vi phạm: Tổ chức thanh tra, kiểm tra các tổ chức, cá nhân và phương tiện khai thác thủy sản về việc chấp hành các quy định của pháp luật đối với 313 lượt tàu cá, 109 lượt phương tiện vận chuyển giống thủy sản, 146 cơ sở kinh doanh sản xuất kinh doanh thực phẩm, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; thu 111 mẫu thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, thuốc BVTV, phân bón, sản phẩm động vật, nguyên liệu thủy sản để kiểm tra chất lượng; xử lý vi phạm 55 trường hợp.

IV. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế:

Trong 6 tháng đầu năm, bên cạnh những mặt đạt được trong sản xuất nông nghiệp và thực hiện các nhiệm vụ của ngành còn gặp những tồn tại, hạn chế sau:

- Tình trạng sản xuất lúa tự phát, không theo quy hoạch, cơ cấu mùa vụ, cơ cấu giống, lịch thời vụ... vẫn còn xảy ra khá phổ biến.

- Việc chuyển đổi diện tích sản xuất lúa kém hiệu quả sang trồng cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác để có hiệu quả cao hơn còn ít, chưa đạt yêu cầu so với tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

- Bệnh cúm gia cầm, LMLM trên gia súc phát sinh, bệnh hoại tử gan tụy và bệnh đốm trắng xảy ra rải rác, cục bộ ở một số địa phương làm ảnh hưởng đến tình hình phát triển chăn nuôi, nuôi tôm nước lợ của tỉnh.

- Công tác quản lý quy hoạch còn nhiều hạn chế; chưa có biện pháp chế tài khi nông dân không thực hiện theo quy hoạch.

- Số lượng tàu hoạt động khai thác giảm dẫn đến sản lượng khai thác thủy, hải sản đạt thấp so với cùng kỳ.

- Tình trạng vi phạm về tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm hàng hóa vật tư nông nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm, đặc biệt là các sản phẩm thủy sản khô chưa được khắc phục.

- Cơ sở hạ tầng phục vụ nuôi thủy sản được quan tâm đầu tư. Tuy nhiên, một số vùng nuôi thâm canh hệ thống giao thông, thủy lợi và điện chưa đáp ứng yêu cầu.

- Sản xuất giống tại địa phương với qui mô nhỏ lẻ; công tác kiểm soát, quản lý chất lượng giống còn nhiều hạn chế, tình trạng tôm giống thả nuôi không qua kiểm dịch vẫn còn xảy ra. Các vùng sản xuất giống thủy sản, vùng nuôi tập trung chưa được đầu tư cơ sở hạ tầng để kêu gọi doanh nghiệp tham gia.

2. Nguyên nhân:

- Việc chỉ đạo, quản lý sản xuất hiện nay chủ yếu thông qua công tác thông tin, tuyên truyền, vận động, hướng dẫn, khuyến cáo, chưa có quy định chế tài đủ mạnh để bắt buộc người sản xuất tuân thủ nghiêm ngặt nên chưa khắc phục được tình trạng sản xuất tự phát, không theo quy hoạch, cơ cấu mùa vụ, lịch thời vụ, cơ cấu giống.

- Đầu ra của các sản phẩm thực hiện chuyển đổi (*cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày*) các năm qua quá bấp bênh (*có lúc bán được, giá cao nhưng cũng có khi bán không có người mua, giá bán thấp hơn giá thành sản xuất*), nhất là khi diện tích chuyển đổi nhiều, sản lượng tăng cao, nên người sản xuất không an tâm, lại quay về trồng lúa để đảm bảo an toàn, mặc dù họ vẫn biết là hiệu quả sản xuất lúa không cao bằng các loại cây trồng khác.

- Công tác phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi từng lúc, từng nơi chưa được quan tâm đúng mức; nắng nóng kéo dài làm giảm sức đề kháng của đàn vật nuôi, trong khi các hộ chăn nuôi chưa chủ động tiêm phòng nên khả năng xuất hiện các loại bệnh nguy hiểm trong chăn nuôi là rất lớn.

- Một số hộ nuôi thủy sản chưa tuân thủ theo đúng quy trình cải tạo ao nuôi, sử dụng con giống chưa qua kiểm dịch, không có ao lắng, lọc để xử lý nước kết hợp với môi trường ao nuôi chưa ổn định, nhiệt độ giữa ngày và đêm chênh lệch lớn là nguyên nhân dẫn đến tôm nuôi chậm lớn và bị bệnh. Bên cạnh đó, ý thức của người dân trong việc quản lý môi trường vùng nuôi còn hạn chế, sản xuất còn manh mún, nhỏ lẻ, thiếu tính liên kết; tình trạng nuôi cá lóc tràn lan

không theo quy hoạch đã gây ô nhiễm môi trường nước và thiếu nước ngọt dẫn đến thiệt hại.

- Thị trường tiêu thụ nông sản thiếu tính bền vững, giá thủy sản thương phẩm còn ở mức thấp làm cho người dân thiếu an tâm đầu tư đúng mức, tình trạng tự phát, chạy theo phong trào, theo thời giá dẫn đến phá vỡ qui hoạch, sản xuất không tuân thủ lịch thời vụ.

- Sản lượng tôm, cá giảm, ngư dân khai thác không có hiệu quả nên hạn chế ra khơi.

- Chăn nuôi của tỉnh chủ yếu theo hình thức nông hộ còn nhỏ, lẻ, người chăn nuôi chưa có ý thức trong việc tiêm phòng vắc xin để phòng bệnh cho đàn vật nuôi là nguyên nhân xảy ra dịch bệnh ở một số nơi.

- Vai trò quản lý nhà nước trong công tác quản lý giống và vật tư đầu vào còn phần nào hạn chế. Sự phối hợp giữa các ngành và chính quyền địa phương còn thiếu chặt chẽ và chưa đồng bộ; việc tuyên truyền, quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, thức ăn chăn nuôi và vệ sinh an toàn thực phẩm còn nhiều bất cập, do có trách nhiệm liên đới nhiều ngành.

Phần 2

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN 6 THÁNG CUỐI NĂM

I. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Giá trị sản xuất:

Theo kế hoạch từ đầu năm, giá trị sản xuất toàn ngành còn lại 6 tháng cuối năm là 14.584 tỷ đồng. Tuy nhiên, trên cơ sở thực tế sản xuất ước khả năng chỉ đạt 13.636 tỷ đồng, như vậy cả năm 25.178 tỷ đồng, đạt 96,37% kế hoạch, cụ thể:

- **Nông nghiệp:** 8.343 tỷ đồng, gồm:

+ Trồng trọt: 5.836 tỷ đồng.

+ Chăn nuôi: 1.804 tỷ đồng.

+ Dịch vụ nông nghiệp: 703 tỷ đồng.

- **Lâm nghiệp:** 118 tỷ đồng.

- **Thủy sản:** 5.175 tỷ đồng, gồm:

+ Khai thác hải sản: 552 tỷ đồng.

+ Khai thác nội đồng: 345 tỷ đồng.

+ Nuôi trồng thủy sản: 4.258 tỷ đồng.

+ Dịch vụ thủy sản: 20 tỷ đồng.

2. Sản lượng cây trồng, vật nuôi chủ yếu:

a) Nông nghiệp:

- Trồng trọt:

+ Sản lượng lúa Hè Thu: Phần đầu đạt và vượt 417.300 tấn.

+ Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Gieo trồng 20.835 ha (màu lương thực 4.149 ha, màu thực phẩm 13.236 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 3.450 ha).

- Chăn nuôi:

+ Đàn bò: Phần đầu tăng thêm 1.656 con.

+ Đàn heo: Phần đầu tăng thêm 5.117 con.

+ Đàn gia cầm: Tăng thêm 1.569 ngàn con.

b) Lâm nghiệp: Trồng mới 233 ha rừng tập trung, chăm sóc 340 ha, bảo vệ 4.971 ha, trồng 50.000 cây lâm nghiệp phân tán.

c) Thủy - hải sản: Phần đầu đạt tổng sản lượng 114.905 tấn (35.785 tấn tôm các loại):

+ Nuôi trồng thủy sản: 68.808 tấn (27.886 tấn tôm).

+ Khai thác: 46.097 tấn (7.900 tấn tôm), gồm khai thác hải sản 36.400 tấn, khai thác nội đồng 9.697 tấn.

II. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CHUYÊN NGÀNH

1. Chỉ đạo sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn

a) Nông nghiệp:

- Trồng trọt và bảo vệ thực vật:

+ Tập trung hướng dẫn nông dân chăm sóc, bảo vệ 78.000 ha lúa Hè thu, đảm bảo thu hoạch 100% diện tích gieo sạ; chỉ đạo, hướng dẫn xuống giống vụ Thu Đông-mùa theo khung lịch thời vụ; đồng thời chuẩn bị kế hoạch sản xuất vụ Đông xuân 2016-2017. Khuyến cáo nông dân thực hiện chuyển đổi diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang bắp theo Quyết định số 915/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; tiếp tục thực hiện, theo dõi cánh đồng lớn trên các loại cây trồng (lúa, bắp, ớt, dưa hấu, mía).

+ Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch phòng, chống chổi rồng trên cây nhãn; chỉ đạo hướng dẫn nông dân phòng trị các loại sâu, bệnh trên cây ăn trái và cây dứa; vận động nông dân cải tạo vườn tạp, chăm sóc tốt vườn cây hiện có; theo dõi mô hình cánh đồng lớn trên cây dứa.

+ Xây dựng và kiểm tra các điểm dự tính, dự báo sâu bệnh trên lúa và các loại cây trồng khác; thu mẫu rầy nâu, phân tích, kiểm tra, xác định sự hiện diện của virus gây bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá lúa; phân công cán bộ chuyên môn trực tiếp phụ trách địa bàn, kiểm tra đồng ruộng, tư vấn, hướng dẫn nông dân phòng trị kịp thời các loại sâu bệnh gây hại từ lúc gieo sạ đến giai đoạn an toàn, đặc biệt là bệnh đạo ôn trên cây lúa.

- Chăn nuôi: Chỉ đạo tập trung công tác phòng, chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi nhất là trong thời điểm giao mùa cuối năm; kiểm tra, giám sát tình hình chăn nuôi, quản lý đàn thông qua hình thức cấp sổ chăn nuôi; thực hiện kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, vận chuyển gia súc, gia cầm; tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn các hộ chăn nuôi, cơ sở giết mổ, kinh doanh sản phẩm động vật, áp dụng tích cực tham gia phòng chống dịch bệnh và vệ sinh tiêu độc khử trùng theo quy định; tiếp tục thực hiện Công văn số 391/CN-GSN của Cục Chăn nuôi về việc thực hiện phong trào cam kết chăn nuôi an toàn, không sử dụng chất

cầm trong chăn nuôi. Xây dựng các điểm chăn nuôi tập trung, lò giết mổ tập trung theo quy hoạch. Quản lý các cơ sở chăn nuôi heo đực giống và dịch vụ gieo tinh nhân tạo. Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ chăn nuôi nông hộ năm 2016, đồng thời xây dựng kế hoạch hỗ trợ năm 2017 theo Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Lâm nghiệp: Triển khai kế hoạch trồng rừng và trồng cây lâm nghiệp phân tán theo kế hoạch; tiếp tục xây dựng Phương án trồng rừng thay thế các công trình công cộng trên địa bàn tỉnh; tham mưu xây dựng chính sách bảo vệ rừng trình UBND tỉnh thông qua Hội đồng nhân dân; xây dựng dự án trồng cây lâm nghiệp phân tán giai đoạn 2016 – 2020; tổ chức nghiệm thu công trình trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng; tuyên truyền công tác bảo vệ và phát triển rừng; tăng cường tuần tra bảo vệ rừng, kiểm soát lâm sản và tình hình mua bán, vận chuyển động vật hoang dã.

- Thủy sản:

+ Tiếp tục theo dõi, giám sát tình hình nuôi và triển khai các biện pháp phòng chống dịch bệnh trên tôm, cá; tổ chức hội thảo nhân rộng các mô hình, đối tượng nuôi mới có hiệu quả kinh tế.

+ Hướng dẫn nông dân cải tạo ao hồ tiếp tục thả nuôi sau khi thu hoạch, khuyến khích thả nuôi các đối tượng chủ lực có giá trị kinh tế theo quy trình an toàn dịch bệnh, không gây ô nhiễm môi trường tạo nguồn nguyên liệu sạch đáp ứng nhu cầu xuất khẩu; tiếp tục hỗ trợ kỹ thuật nuôi thủy sản cho các xã nuôi tôm trọng điểm trên địa bàn huyện Cầu Ngang, Duyên Hải và thị xã Duyên Hải.

+ Tham mưu ban hành lịch mùa vụ và quy trình nuôi thủy sản năm 2017 cho phù hợp với từng vùng, từng địa phương.

+ Tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn, tuyên truyền phổ biến pháp luật về thủy sản, quy trình nuôi trồng thủy sản tốt (VietGAP), để nông dân dần quen và đi đến áp dụng vào sản xuất.

+ Tổ chức quan trắc môi trường, thu mẫu giáp xác tại các điểm sông đầu nguồn, thông báo trên Đài phát thanh - Truyền hình để người dân có kế hoạch quản lý ao nuôi.

+ Quản lý chuyên ngành: Tiếp tục thực hiện quản lý, kiểm dịch giống thủy sản nhập tỉnh và sản xuất tại địa phương; xúc tiến mời gọi doanh nghiệp tham gia đầu tư sản xuất giống trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các cơ sở kinh doanh thức ăn, hoá chất xử lý môi trường phục vụ nuôi thủy sản.

3. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

Tập trung, dồn sức 6 tháng cuối năm có thêm ít nhất 05 xã đạt 19/19 tiêu chí, nâng tổng số 28/85 xã đạt 19/19 tiêu chí, các xã còn lại đạt thêm ít nhất 01 tiêu chí trở lên và nâng chất các tiêu chí đã được. Để đạt được kết quả trên cần tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức để người dân tự nguyện tham gia xây dựng nông thôn mới; huy động thêm nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ triển khai thi công các công trình xây dựng cơ bản và đầu tư phát triển sản xuất có hiệu quả để nâng cao thu nhập và đời sống của người dân. Tăng cường

công tác kiểm tra, giám sát tình hình xây dựng nông thôn mới ở các xã trọng điểm trên địa bàn tỉnh.

4. Các công tác chuyên môn khác:

- Nghiên cứu tham mưu xây dựng chính sách chuyển đổi diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng bắp, đậu phộng; chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh.

- Kết hợp với các địa phương (Cầu Kè, Duyên Hải, Cầu Ngang) khẩn trương hoàn thành công tác thủy lợi nội đồng năm 2016 theo kế hoạch. Thường xuyên kiểm tra cột nước, vận hành công điều tiết nước phục vụ sản xuất, chống ngập úng trong mùa mưa và mặn cuối vụ Thu đông 2016-2017. Kiểm tra, theo dõi chặt chẽ tình hình các tuyến đê biển, đê sông trong mùa mưa để có hướng tham mưu, xử lý kịp thời. Đồng thời triển khai kế hoạch thu Quỹ phòng chống thiên tai năm 2016.

- Tiếp tục theo dõi đề tài “Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sản xuất và ương nghêu giống trên ao đất lót bạt tại tỉnh Trà Vinh” giai đoạn 2; đồng thời triển khai thực hiện đề tài “nghiên cứu xây dựng mô hình nuôi thích nghi giống gà Đông tảo tại tỉnh Trà Vinh”.

- Tập trung theo dõi, giám sát thi công các công trình thủy lợi, xây dựng cơ bản chuyển tiếp từ năm 2015 và các công trình đầu tư mới năm 2016. Triển khai thi công các công trình thủy lợi thuộc nguồn vốn cấp bù thủy lợi phí năm 2016; vốn khắc phục hậu quả hạn hán và xâm nhập mặn vụ Đông Xuân năm 2015-2016.

- Kinh tế hợp tác: Hoàn chỉnh kế hoạch hỗ trợ HTX Dân Tiến (Phong Phú) và HTX Dừa Sáp (Hòa Tân) xây dựng mô hình HTX nông nghiệp kiểu mới; tiếp tục hỗ trợ THT chăn nuôi gà đốm lót sinh học ấp Hưng Nhượng A, xã Phương Thạnh, huyện Càng Long trở thành mô hình điểm THT liên kết với doanh nghiệp. Tập huấn thành lập mới và củng cố nâng cao chất lượng hoạt động THT, HTX. Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch cánh đồng lớn theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Hoàn chỉnh thủ tục, trình công nhận làng nghề bó chổi xã Tân Hòa; làng nghề cốm dẹp xã Nhị Trường và làng nghề diêm nghiệp xã Dân Thành; tiếp tục phối hợp tổ chức giảng dạy và cấp chứng chỉ nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn; khẩn trương hoàn thành đề án môi xã, phường, thị trấn một sản phẩm chủ lực giai đoạn 2016-2020, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Công tác bố trí dân cư: Tiếp tục triển khai thi công các dự án: Di dân khẩn cấp vùng ven biển xã Trường Long Hòa; kè chống sạt lở bờ sông Cần Chông, thị trấn Tiểu Cần; kết hợp địa phương giải phóng mặt bằng Dự án Di dân sạt lở ấp Cồn Phụng xã Long Hòa. Trình UBND tỉnh phân bổ vốn thực hiện dự án Dự án Di dân sạt lở xã Hòa Minh huyện Châu Thành.

- Tiếp tục thực hiện các dự án cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn và thực hiện hoàn thành các nguồn vốn tài trợ khắc phục tình hình hạn hán, xâm nhập mặn năm 2016; duy trì hoạt động 165 trạm cấp nước hiện có, tăng thêm 5.000 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh, phấn đấu đến cuối năm có 85% số hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh.

- Tiếp tục chỉ đạo, phân công cán bộ kỹ thuật tư vấn trực tiếp, tập huấn, chuyên giao khoa học kỹ thuật về trồng trọt, chăn nuôi, nuôi thủy sản và phòng, chống dịch bệnh cho cho nông dân; tổ chức triển khai thực hiện và theo dõi các mô hình khuyến nông, khuyến ngư năm 2016 và các mô hình kết hợp thực hiện. Kết hợp Đài phát thanh – truyền hình Trà Vinh thực hiện các chuyên mục khuyến nông, khuyến ngư nhằm tuyên truyền, phổ biến đến người dân các kỹ thuật, mô hình có hiệu quả,...

- Tổ chức tuyên truyền bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Luật Thủy sản, an toàn vệ sinh thực phẩm nông sản, thủy sản và phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn cho nông, ngư dân trong mùa mưa bão.

- Quản lý tốt tàu, xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu phí, lệ phí đúng qui định; phối hợp các địa phương theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

- Tăng cường các hoạt động quản lý Nhà nước chuyên ngành: Quản lý chất lượng cây, con giống (đặc biệt là lúa giống và tôm giống), vật tư đầu vào phục vụ sản xuất, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y nhằm hạn chế tình trạng hàng giả, hàng kém chất lượng; kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm, kiểm soát tạp chất trong nguyên liệu thủy sản; đồng thời quản lý, điều phối, cung ứng giống, chuyên giao công nghệ sản xuất giống.

- Tăng cường bảo vệ nguồn lợi thủy sản, phối hợp Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, hướng dẫn ngư dân ở vùng ven sông, ven biển, vùng nguy cơ bị sạt lở chủ động di dời khi có sự cố.

Trên đây là tình hình thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm và chương trình nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2016 của ngành, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh năm, theo dõi, chỉ đạo. /.

Nơi nhận:

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGD Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, KHTC.



GIÁM ĐỐC

Lorâm Lorung Hiên


BÁO CÁO THÁNG VỀ SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP, THỦY SẢN

Tính đến ngày 15/6/2016

STT	Chi tiêu	ĐVT	6 tháng năm 2015	KH vụ/năm 2016	Ước TH 6 tháng năm 2016	% so sánh với	
						Cùng kỳ	Kế hoạch
A	B	C	1	2	3	4=3/1	5=3/2
A	Giá trị sản xuất (giá so sánh 2010)						
	Giá trị ngành nông nghiệp	Tỷ đồng	13.139,78	26.126	11.541,94	87,84%	44,18%
1	Giá trị SX nông nghiệp	"	10.420,13	18.285	9.086,34	87,20%	49,69%
	- Trồng trọt	"	7.968,11	13.539	6.687,05	83,92%	49,39%
	- Chăn nuôi	"	1.462,49	3.075	1.431,71	97,90%	46,55%
	- Dịch vụ	"	989,53	1.670	967,581	97,78%	57,93%
2	Giá trị lâm nghiệp	"	146,85	260	142,25	96,87%	54,71%
3	Giá trị sản xuất thủy sản	"	2.572,80	7.581	2.313,35	89,92%	30,52%
	- Khai thác hải sản	"	544,42	1.132	495,05	90,93%	43,73%
	- Khai thác nội đồng	"	243,56	518	164,99	67,74%	31,88%
	- Nuôi trồng thủy sản	"	1.766,93	5.896,50	1.637,93	92,70%	27,78%
	- Dịch vụ thủy sản	"	17,89	35	15,389	86,04%	43,97%
B	SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP						
I.	TRỒNG TRỌT						
	Tổng DT gieo trồng	Ha	274.911	289.330	268.293	97,59%	92,73%
	Cây lương thực có hạt	Ha	238.867	238.000	237.320	99,35%	99,71%
1.1	Cây lúa	Ha	235.097	232.000	234.528	99,76%	101,09%
	Sản lượng	Tấn	948.986	1.337.456	739.762	77,95%	55,31%
	Vụ Thu Đông-mùa						
	- Diện tích gieo sạ	Ha	89.209	89.000	87.739	98,35%	98,58%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	89.209	89.000	87.310	97,87%	98,10%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	53,41	54,20	52,9	99,09%	97,65%
	- Sản lượng	tấn	476.506	482.380	462.102	96,98%	95,80%
	Vụ Đông - Xuân						
	- DT gieo sạ	ha	68.888	65.000	68.789	99,86%	105,83%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	68.885	65.000	50.040	72,64%	76,98%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	68,13	67,35	55,49	81,44%	82,39%
	- Sản lượng	tấn	469.330	437.776	277.660	59,16%	63,43%
	Vụ Hè Thu						
	- DT gieo sạ	Ha	77.000	78.000	78.000	101,30%	100,00%
	- Diện tích thu hoạch		500	78.000			
	- Năng suất	Tạ/ha	63,00	53,50			
	- Sản lượng	tấn	3.150	417.300			
1.2	Cây màu	Ha	39.814	57.330	33.765	84,81%	58,90%
1.2.1	Màu lương thực	Ha	5.548	9.350	4.201	75,71%	44,93%
	Cây bắp						
	- Diện tích gieo trồng	Ha	3.770	6.000	2.792	74,05%	46,53%
	- Diện tích thu hoạch	"	3.067	6.000	2.314	75,46%	38,57%
	- Năng suất	Tạ/ha	56,88	52,00	54,30	95,48%	104,43%
	- Sản lượng	Tấn	17.443	31.200	12.568	72,05%	40,28%
	Khoai lang						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	835	1.550	711,14	85,17%	45,88%
	+ Diện tích thu hoạch	"	668,57	1.550	601,69	90,00%	38,82%
	+ Năng suất	Tạ/ha	177,96	159,70	175,41	98,57%	109,83%
	+ Sản lượng	Tấn	11.898	24.754	10.554	88,71%	42,64%
	Sắn						

STT	Chi tiêu	ĐVT	6 tháng năm 2015	KH vụ/năm 2016	Ước TH 6 tháng năm 2016	% so sánh với	
						Cùng kỳ	Kế hoạch
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	593	1.150	471,47	79,51%	41,00%
	+ Diện tích thu hoạch	"	372,06	1.150	343,88	92,43%	29,90%
	+ Năng suất	Tạ/ha	162,18	151,50	154,76	95,42%	102,15%
	+ Sản lượng	Tấn	6.034	17.423	5.322	88,20%	30,54%
	Cây có củ khác						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	350	650	226,17	64,62%	34,80%
	+ Diện tích thu hoạch	"	187,77	650	160,64	85,55%	24,71%
1.2.2	Cây thực phẩm	Ha	21.162	31.830	17.564	83,00%	55,18%
	Rau các loại						
	+ DT gieo trồng	Ha	20.462	31.000	16.971,71	82,94%	54,75%
	+ Diện tích thu hoạch	"	13.243	31.000	12.365,52	93,37%	39,89%
	+ Năng suất	Tạ/ha	222,6	223,94	243,91	109,56%	108,92%
	+ Sản lượng	Tấn	294.825	694.200	301.605	102,30%	43,45%
	Đậu các loại						
	+ DT gieo trồng	Ha	700	830	592,40	84,63%	71,37%
	+ Diện tích thu hoạch	"	600,55	830	495,60	82,52%	59,71%
	+ Năng suất	Tạ/ha	17,8	16,58	15,29	85,82%	92,24%
	+ Sản lượng	Tấn	1.070	1.376	758	70,83%	55,07%
1.2.3	Cây công nghiệp hàng năm		11.585	13.500	9.893	85,40%	73,28%
	Đậu phộng	Ha					
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	4.121	5.000	4.101	99,52%	82,02%
	+ Diện tích thu hoạch	"	3.638,85	5.000	3.626,26	99,65%	72,53%
	+ Năng suất	Tạ/ha	53,25	53,00	51,85	97,36%	97,82%
	+ Sản lượng	Tấn	19.378	26.500	18.800,98	97,02%	70,95%
	Mía						
	+ Diện tích trồng	Ha	5.941	6.100	4.366	73,50%	71,58%
	Trong đó: DT trồng mới	"					
	+ Diện tích thu hoạch	"	4.972	6.100	4.048	81,42%	66,36%
	+ Năng suất	Tạ/ha	1.097,01	1.100	1.064	97,03%	96,77%
	+ Sản lượng	Tấn	545.416	671.000	430.908	79,01%	64,22%
	Cây lác (cói)						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.523	2.400	1.426	93,61%	59,40%
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.195	2.400	1.168,8	97,77%	48,70%
	+ Năng suất	Tạ/ha	110,85	103,40	110,46	99,65%	106,83%
	+ Sản lượng	Tấn	13.251	24.816	12.911	97,43%	52,03%
1.2.4	Cây trồng khác	Ha	1.519	2.650	2.107	138,72%	79,51%
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.519	2.650	2.107	138,72%	79,51%
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.320	2.650	1.895	143,60%	71,53%
2	Cây lâu năm						
	- Cây ăn quả						
	+ Diện tích	ha	17.500	17.780	17.659	100,91%	99,32%
	+ Sản lượng	tấn	149.499	247.000	130.853	87,53%	52,98%
	- Cây dứa						
	+ Diện tích	ha	19.420	20.050	19.950	102,73%	99,50%
	+ Sản lượng	tấn	133.998	238.000	116.310	86,80%	48,87%
II	CHĂN NUÔI						
	- Tổng đàn trâu	con	1.110	1.000	954	85,95%	95,40%
	- Tổng đàn bò	con	155.676	167.000	176.344	113,28%	105,60%
	- Tổng đàn lợn	con	313.756	330.000	351.883	112,15%	106,63%
	- Tổng đàn gia cầm	1000 con	4.717	5.750	4.181	88,63%	72,71%
C	LÂM NGHIỆP						
1.	Lâm sinh						

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	6 tháng năm 2015	KH vụ/năm 2016	Ước TH 6 tháng năm 2016	% so sánh với	
						Cùng kỳ	Kế hoạch
1.1.	DT rừng trồng tập trung	Ha		233			
	Trong đó:						
	- Rừng phòng hộ	"		233			
	- Rừng đặc dụng	"					
	- Rừng sản xuất	"					
	DT trồng lại sau khai thác	Ha					
1.2.	DT rừng trồng được chăm sóc	Ha		340			
1.3.	DT khoanh nuôi tái sinh	Ha					
1.4.	DT giao khoán bảo vệ	Ha		4.971			
1.5.	Số cây lâm nghiệp phân tán	1000 cây		50			
2.	Khai thác						
	- Sản lượng gỗ khai thác	m ³					
	Trong đó: Gỗ rừng trồng	"					
D	DIÊM NGHIỆP						
E	THỦY SẢN						
1.	Tổng diện tích nuôi	Ha	31.543	42.700	35.334	112,02%	82,75%
1.1.	Nuôi nước ngọt	"	688,00	4.000	1.234	179,36%	30,85%
	- Diện tích nuôi cá	"	638,00	2.500	684	107,21%	27,36%
	Trong đó: + Cá tra, cá ba sa	"	3,00	50	20	666,67%	40,00%
	Cá lóc	"	115,00	290	164	142,61%	56,55%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	50,00	1.500	550	1100,00%	36,67%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	50,00	1.500	550	1100,00%	36,67%
	- Diện tích nuôi khác	"					
1.2.	Nuôi nước mặn, lợ	Ha	30.855,0	38.700	34.100	110,52%	88,11%
	- Diện tích nuôi cá	"					
	Trong đó: + cá giò, cá song	"					
	+ ...	"					
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	30.830,00	37.000	33.800	109,63%	91,35%
	Trong đó: + Tôm sú	"	17.480,00	19.000	16.800	96,11%	88,42%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	2.350,00	5.000	2.800	119,15%	56,00%
	+ Cua biển	"	11.000,00	13.000	14.200	129,09%	109,23%
	- Diện tích nuôi khác (nghêu, sò huyết, cá nước lợ)	"	25,00	1.700	300	1200,00%	17,65%
2.	Thể tích nuôi lồng, bè	m ³					
	- Nuôi cá	"					
	- Nuôi giáp xác	"					
	- Nuôi nhuyễn thể	"					
3.	Sản lượng con giống sản xuất	Triệu con					
	- Cá giống	"					
	- Tôm giống	"					
	- Nhuyễn thể giống	"					
4	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	70.004	181.000	66.095	94,42%	36,52%
4.1	Tổng sản lượng nuôi	Tấn	31.745	101.200	32.392	102,04%	32,01%
4.1.1	Nuôi nước ngọt	Tấn	20.948	55.500	22.526	107,53%	40,59%
	- Sản lượng cá	"	20.718	55.000	22.225	107,27%	40,41%
	Trong đó: cá tra, cá ba sa	"	1.050	10.000	2.040	194,29%	20,40%
	Cá lóc	"	13.942	27.000	14.189,6	101,78%	52,55%
	- Sản lượng giáp xác	"	230	500	300,5	130,63%	60,09%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	230	500	300,5	130,63%	60,09%
	- Sản lượng thủy sản khác	"					
4.1.2	Nuôi nước mặn, lợ	Tấn	10.797	45.700	9.866	91,38%	21,59%
	- Sản lượng cá nuôi	"					

STT	Chi tiêu	ĐVT	6 tháng năm 2015	KH vụ/năm 2016	Ước TH 6 tháng năm 2016	% so sánh với	
						Cùng kỳ	Kế hoạch
	Trong đó: Cá giò, cá song	"					
	...						
	- Sản lượng giáp xác nuôi	"	10.640	43.500	9.507,5	89,36%	21,86%
	Trong đó: + Tôm sú	"	2.950	14.500	2.311,3	78,35%	15,94%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	5.670	21.000	5.637,5	99,43%	26,85%
	+ Nuôi cua biển	"	2.020	8.000	1.559	77,16%	19,48%
	- Sản lượng thủy sản khác	"	157	2.200	359	228,66%	16,32%
4.2	Tổng sản lượng khai thác	Tấn	38.259	79.800	33.703	88,09%	42,23%
4.2.1	Khai thác biển	Tấn	33.615	65.900	29.500	87,76%	44,76%
	+ Sản lượng cá khai thác	Tấn	14.500	25.000	11.602	80,02%	46,41%
	Trong đó: - Loài	"					
	- ...	"					
	+ Sản lượng giáp xác khai thác	Tấn	4.100	8.900	3.758,4	91,67%	42,23%
	Trong đó: - Tôm...	"					
	- ...	"					
	+ SL nhuyễn thể khai thác	Tấn					
	Trong đó: - Loài	"					
	- ...	"					
	+ SL hải sản khác khai thác	"	15.015	32.000	14.139,1	94,17%	44,18%
4.2.2	Khai thác nội địa	Tấn	4.644	13.900	4.203,2	90,51%	30,24%
	Trong đó: - Cá các loại	"	2.300	6.500	1.731,7	75,29%	26,64%
	- Tôm các loại	"	1.650	4.200	1.442	87,39%	34,33%
	- Nhuyễn thể các loại	"					
	- Giáp xác các loại (không kể tôm)	"					
	- Thủy sản khác	"	694	3.200	1.030	148,35%	32,17%